TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày: 20-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cẩu;

2. Ông Trần Thành Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đưa ra xét xử theo hình thức trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm (Phòng xét xử trực tuyến - Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang) và điểm cầu thành phần (Phòng trực tuyến tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện C) trong hồ sơ thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Phạm Văn T (Tên gọi khác là R), sinh năm 1995; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Bé N, cùng sinh năm 1962; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là người con thứ tư trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con;

- Tiền án, tiền sự: không;

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống cùng với gia đình tại ấp Ấ, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, không đi học, sống bằng nghề làm thuê.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay, bị cáo có mặt tại Phòng trực tuyến tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện C.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T là:* Bà Phạm Thanh Ái D, sinh năm 1981 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước. Địa chỉ: 8 đường L, phường M, thành phố L, An Giang. (có mặt tại Phòng xử trực tuyến - Tòa án nhân dân huyện Châu Thành).

2. Đặng Văn D1 (Tên gọi khác là Ba G), sinh năm 1997; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Đặng Văn H1, sinh năm 1966 và bà Lương Thị M, sinh năm 1962; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người con nhỏ nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con;

- Tiền án, tiền sự: Không;

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống cùng với gia đình tại ấp Ấ, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, không đi học.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay, bị cáo có mặt tại Phòng trực tuyến tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện C.

`- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phạm Tấn L, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, An Giang.

- *Người làm chứng:*

Ông Đặng Thanh H2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/3/2023, Phạm Văn T, Đặng Thanh D2 uống rượu cùng Lê Hoàng T1 tại nhà T1 thuộc ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T cất giấu trong túi quần phía trước bên phải 01 bọc nylon trong suốt được hàn kín, chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá được để trong bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BASTION rồi rủ D2 đi qua Khu Công nghiệp B để uống rượu tiếp. Diễn điều khiển xe mô tô biển số: 67G1 - 038.40 mượn của Phạm Tấn L chở T đến bến đò Nhà Thí để đi qua Khu Công nghiệp B. Khi qua bến đò Nhà Thí thì D2 đưa xe mô tô biển số: 67G1 - 038.40 cho T điều khiển chở D2 vào cổng chính Khu Công nghiệp B. T nói cho D2 biết đang cất giấu ma túy đá trong túi quần và rủ D2 tìm chỗ sử dụng ma túy thì D2 đồng ý và cho T tiếp tục điều khiển xe chở D2 đi tìm chỗ để cùng nhau sử dụng ma túy. Khi đến khu vực cổng sau Khu Công nghiệp B trên đường T thuộc ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, T và D2 dừng xe lại đi vệ sinh. Lúc này, T lấy bọc nylon trong suốt được hàn kín, chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá được để trong bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BASTION mà T đang cất giấu trong túi quần phía trước bên phải

ra cho Diễn xem, T và D2 thống nhất cùng nhau đi tìm chỗ sử dụng ma túy. T cất giấu ma túy vào túi quần phía trước bên phải thì bị Công an xã B tuần tra phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BASTION bên trong có 01 bọc nylon trong suốt được hàn kín, chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), bên ngoài bọc nylon được dán băng keo có màu trắng - xanh - đỏ; 03 điếu thuốc lá; 01 cây nỏ thủy tinh.

- 01 quẹt gas màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu: xanh - xám.

- 01 xe mô tô biển số: 67G1 - 038.40, nhãn hiệu: CITI@, số máy: 2FMH00021263, số khung: H2PKAH011263, màu sơn: đỏ - đen.

Tại Bản kết luận giám định số 39/KL-KTHS(MT-GT) ngày 11/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A, kết luận:

Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng: 0,1999 gam (không phẩy một chín chín chín gam). (Bút lục số: 44)

Ngày 11/3/2023 và 15/3/2023, Phạm Văn T, Đặng Thanh D2 bị khởi tố để điều tra.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSCT-HS ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh D2 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh D2 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tấn L và người làm chứng anh Đặng Thanh H2 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu (Bút lục số: 09, 128-130, 136 - 137).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ y quan điểm truy tố đối với hai bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh D2 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo cùng đồng phạm giản đơn; không có sự phân công chặt chẽ, các bị cáo chỉ thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Phạm Văn T là người cất giấu ma túy trái phép trong người, bị cáo chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo D2 cùng tìm nơi sử dụng ma túy, đã đưa ma túy cho bị cáo D2 xem. Bị cáo D2 là đồng phạm trong vụ án, bị cáo biết T có ma túy trong người, khi được T rủ thì đồng ý và còn dùng phương tiện để chở T tìm nơi để sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Đặng Thanh D2 từ một năm đến hai năm tù.

- Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì được niêm phong vụ số 39/KL-KTHS (MT-GT) ngày 11/3/2023, trên phong bì có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh An Giang cùng các chữ ký ghi tên Lê Văn T2, Nguyễn Thị Mỹ H3. Bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng: 0,1785g (Không phẩy một bảy tám năm gam);

+ 01 phong bì được niêm phong vụ số 67/KL-KTHS (MT-GT) ngày 24/4/2023, trên phong bì có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh An Giang cùng các chữ ký ghi Sun S, Nguyễn Đăng K. Bên trong có 01 nỏ thủy tinh trong suốt không chứa gì.

+ 01 quẹt gas màu vàng, đã qua sử dụng;

+ 01 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BASTION, bên trong có 03 điếu thuốc lá;

- Đề nghị trao trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh – xám.

- Đề nghị trao trả cho Phạm Tấn L 01 xe môtô biển số 67G1-038.40, nhãn hiệu: CITI@, số máy: 2FMH00021263, số khung: H2PKAH011263, màu sơn: đỏ - đen.

Đối với đối tượng là một người nam tên T3, bị cáo T khai là người cho ma túy bị cáo T, nhưng không xác định được họ, tên, địa chỉ cũng như nhân thân nên không đề nghị xử lý.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bà Phạm Thanh Ái D - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:

- Về tội danh: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với tội danh.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau:

+ Do bị cáo được cho ma túy, không phải bị cáo mua để sử dụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do trình độ học vấn thấp; thuộc thành phần lao động nghèo, gia đình đông con, không được giáo dục tốt, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, xử phạt bị cáo ở mức án 01 năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tấn L, người làm chứng anh Đặng Thanh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và làm rõ các tình tiết vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Ngày 03/3/2023, sau khi uống rượu tại nhà T1, bị cáo T rủ D2 đi qua Khu Công nghiệp B để uống rượu tiếp. Diễn điều khiển xe mô tô biển số: 67G1 - 038.40 mượn của Phạm Tấn L chở T đến bến đò Nhà Thí để đi qua Khu Công nghiệp B. Khi qua bến đò, D2 đưa xe mô tô trên cho T điều khiển chở D2 vào cổng chính Khu Công nghiệp. Bị cáo Phạm Văn T nói cho D2 biết đang cất giấu ma túy đá trong túi quần, đưa cho D2 xem và rủ D2 tìm chỗ sử dụng ma túy thì D2 đồng ý. Sau đó, D2 cho T tiếp tục điều khiển xe chở D2 đi tìm chỗ để cùng nhau sử dụng ma túy. Lúc này, Công an xã B tuần tra phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung diễn biến của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03/3/2023; Kết luận giám định số 39/KL-KTHS(MT-GT) ngày 11/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh A. Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định bị cáo T và D2 đã có hành vi cất giấu 0,1999 gam ma túy, loại Methamphetamine trái phép nhằm mục đích cùng nhau sử dụng.

Bị cáo D2 biết T đang cất giấu trái phép chất ma túy, nhưng vẫn điều khiển xe mô tô của L chở bị cáo T đi tìm nơi để cùng nhau sử dụng nên đồng phạm với bị cáo T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của các bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh D2 đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự),

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

2. ...

3. ...

4. ...

5..."

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh D2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện việc phạm tội các bị cáo đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Lẽ ra các bị cáo phải chăm chỉ lao động tạo ra của cải, vật chất để nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình, là người công dân có ích cho xã hội, nhưng ngược lại từ một người khỏe mạnh các bị cáo lại vướng vào con đường nghiện ngập; hơn ai hết các bị cáo nhận thức được ma túy là chất độc hại, gây ra tác hại nghiêm trọng cho sức khỏe, phá hủy sự sống của con người, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, tác hại của ma túy là cực kỳ lớn cho xã hội. Các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo và để phòng ngừa loại tội phạm này đang diễn ra phổ biến tại địa phương.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bởi xuất phát từ việc nghiện ma túy, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy các bị cáo phạm tội, không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công nhiệm vụ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo T là người trực tiếp cất giấu ma túy trong người, bị cáo T đã khởi xướng rủ bị cáo D2 sau khi nhậu xong sẽ tìm chỗ để cùng sử dụng ma túy và được D2 đồng ý. Lẽ ra khi được bị cáo T rủ sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo D2 phải can ngăn, nhưng ngược lại, bị

cáo đã đồng ý và còn dùng phương tiện để chở T đi tìm chỗ cùng sử dụng ma túy, thể hiện sự xem thường pháp luật. Xét thấy tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo T thực hiện là cao hơn bị cáo D2, do đó cần áp dụng mức án cao hơn mới tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt là có căn cứ, phù hợp với hành vi phạm tội.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn nhận tội, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần lao động nghèo, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghiện ma túy, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì được niêm phong vụ số 39/KL-KTHS (MT-GT) ngày 11/3/2023, trên phong bì có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang cùng các chữ ký ghi tên Lê Văn T2, Nguyễn Thị Mỹ H3. Bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng: 0,1785g (Không phẩy một bảy tám năm gam);

+ 01 phong bì được niêm phong vụ số 67/KL-KTHS (MT-GT) ngày 24/4/2023, trên phong bì có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang cùng các chữ ký ghi Sun S, Nguyễn Đăng K. Bên trong có 01 nỏ thủy tinh trong suốt không chứa gì.

+ 01 quẹt gas màu vàng, đã qua sử dụng

+ 01 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BASTION, bên trong có 03 điếu thuốc lá;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh - xám, đã qua sử dụng, là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng, Hội đồng xét xử quyết định trao trả cho bị cáo Phạm Văn T.

- 01 xe môtô biển số 67G1-038.40, nhãn hiệu: CITI@, số máy: 2FMH00021263, số khung: H2PKAH011263, màu sơn: đỏ - đen, đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu của Phạm Tấn L. Ngày 03/3/2023, L cho bị cáo D2 mượn

xe đi nhậu, L không biết D2 sử dụng xe chở T đi sử dụng ma túy nên Hội đồng xét xử quyết định trao trả cho Phạm Tấn L.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-VKSCT-HS ngày 05/7/2023).

[9] Đối với đối tượng là một người nam tên T3, bị cáo T khai là người cho ma túy và nỏ thủy tinh cho bị cáo T, nhưng không xác định được họ, tên, địa chỉ cũng như nhân thân nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ để xử lý là phù hợp.

[10] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh D2 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/3/2023).

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thanh D2 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/3/2023).

Về hình phạt bổ sung: không.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì được niêm phong vụ số 39/KL-KTHS (MT-GT) ngày 11/3/2023, trên phong bì có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang cùng các chữ ký ghi tên Lê Văn T2, Nguyễn Thị Mỹ H3. Bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng: 0,1785g (Không phẩy một bảy tám năm gam);

+ 01 phong bì được niêm phong vụ số 67/KL-KTHS (MT-GT) ngày 24/4/2023, trên phong bì có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang cùng các chữ ký ghi Sun S, Nguyễn Đăng K. Bên trong có 01 nỏ thủy tinh trong suốt không chứa gì.

+ 01 quẹt gas màu vàng, đã qua sử dụng;

+ 01 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BASTION, bên trong có 03 điếu thuốc lá.

- Trao trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh - xám, đã qua sử dụng.

- Trao trả cho Phạm Tấn L 01 xe môtô biển số 67G1-038.40, nhãn hiệu: CITI@, số máy: 2FMH00021263, số khung: H2PKAH011263, màu sơn: đỏ - đen, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-VKSCT-HS ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T4 và Đặng Thanh D2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNVTHA);
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh